

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HUYỆN TRÀ BÔNG (06 XÃ)
(Kèm theo Tờ trình số 66 /TTr-UBND ngày 18 /4/2025 của UBND huyện Trà Bông)

ST T	ĐVHC cấp xã	Quy mô dân số (người) thời điểm 31/12/ 2024	Trong đó		Diện tích tự nhiên (km2)	QMDS và DTTN của ĐVHC hình thành sau sắp xếp			Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Dự kiến tên gọi ĐVHC cấp xã sau sắp xếp	Dự kiến nơi đặt trụ sở	Cơ sở, lý do đề xuất phương án sắp xếp ĐVHC để hình thành ĐVHC cấp xã mới	
			Dân số là người DTTS	Tỷ lệ người DTTS (%)		QMDS (người)	Trong đó		Diện tích tự nhiên (km2)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Hộ cận nghèo				Tỷ lệ (%)
							Dân số là người DTTS	Tỷ lệ người DTTS								
	XÃ 01	18.419	9.338	50,70%	139,43	18419	9338	50,70%	139,43	455	11,46	504	13,38			
1	TT Trà Xuân	8.440	591	7,00%	5,93					80	3,70	99	4,57	Xã Trà Bông	Trà Xuân	TT Trà Xuân là trung tâm hành chính huyện, phát triển chủ yếu là thương mại, dịch vụ khi sáp nhập với các xã Trà Sơn, Trà Thủy sẽ tạo động thực thúc đẩy kinh tế đa dạng nông, lâm nghiệp kết hợp thương mại, dịch vụ.
2	Trà Sơn	6.168	5.331	86,43%	57,35					290	21,42	243	17,95			
3	Trà Thủy	3.811	3.416	89,64%	76,14					85	9,25	162	17,63			
	XÃ 02	11.121	664	5,97%	74,83	11121	664	5,97%	74,83	164	6,00	294	13,00			03 xã liền kề đa dạng về văn hóa, dân tộc; giao thông đi lại thuận lợi, khi sáp nhập sẽ tạo điều kiện phát triển kinh tế đa dạng kết hợp nông, lâm nghiệp và du lịch, dịch vụ.
4	Trà Bình	5.678	54	0,95%	21,84					81	5,37	135	8,96	xã Trà Bông 1	Trà Bình	
5	Trà Phú	4.790	16	0,33%	15,91					72	5,51	151	11,55			
6	Trà Giang	653	594	90,96%	37,08					11	7,14	8	5,19			
	XÃ 03	11.438	11.181	97,75%	170,86	11438	11181	97,75%	170,86	976	36,09	291	10,53			

ST T	ĐVHC cấp xã	Quy mô dân số (người) thời điểm 31/12/ 2024	Trong đó		Diện tích tự nhiên (km2)	QMDS và DTTN của ĐVHC hình thành sau sắp xếp				Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Dự kiến tên gọi ĐVHC cấp xã sau sắp xếp	Dự kiến nơi đặt trụ sở	Cơ sở, lý do đề xuất phương án sắp xếp ĐVHC để hình thành ĐVHC cấp xã mới
			Dân số là người DTTS	Tỷ lệ người DTTS (%)		QMDS (người)	Trong đó		Diện tích tự nhiên (km2)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Hộ cận nghèo	Tỷ lệ (%)			
							Dân số là người DTTS	Tỷ lệ người DTTS								
7	Trà Phong	4.765	4.557	95,6%	40,35					438	38,09	31	2,70	xã Trà Bồng 2	Trà Phong	03 xã liền kề nhau, có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội tương đồng; Trà Phong là trung tâm hành chính huyện Tây Trà cũ, nằm ở trung tâm 03 xã, có không gian và cơ sở vật chất thuận lợi để làm trung tâm xã và đảm bảo tốt nhất các điều kiện để phục vụ xã mới hoạt động hiệu quả
8	Trà Xinh	2.401	2.365	98,5%	80,61					203	34,23	16	2,70			
9	Sơn Trà	4.272	4.259	99,7%	49,90					335	35,94	244	26,18			
	XÃ 04	4.323	3.867	89,45%	112,35	4323	3867	89,45%	112,35	160	14,89	108	9,96			
10	Trà Tân	2.512	2.174	86,54%	59,36					56	9,18	43	7,05	xã Trà Bồng 3	Trà Tân	Hai xã có vị trí, khoảng cách khá xa so với các xã còn lại, tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao trên 90%, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Khó sắp xếp, sáp nhập với các xã khác trong vùng lân cận của huyện.
11	Trà Bùì (trừ thôn Nước Nia)	1.811	1.693	93,48%	52,99					104	20,59	65	12,87			
	XÃ 05	7.339	7.241	98,66%	133,89	7339	7241	98,66%	133,89	488	31,41	215	13,89			
12	Trà Lâm	2.280	2.253	98,82%	49,25					134	27,80	84	17,43	xã Trà Hiệp	Trà Hiệp	03 Xã vùng cao có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, tỷ lệ dân tộc thiểu số cao, cùng nằm trên tuyến quốc lộ 24C tạo điều kiện
13	Trà Hiệp	2.379	2.356	99,03%	49,97					154	30,74	40	7,98			

ST T	ĐVHC cấp xã	Quy mô dân số (người) thời điểm 31/12/ 2024	Trong đó		Diện tích tự nhiên (km2)	QMDS và DTTN của ĐVHC hình thành sau sắp xếp			Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Dự kiến tên gọi ĐVHC cấp xã sau sắp xếp	Dự kiến nơi đặt trụ sở	Cơ sở, lý do đề xuất phương án sắp xếp ĐVHC để hình thành ĐVHC cấp xã mới	
			Dân số là người DTTS	Tỷ lệ người DTTS (%)		QMDS (người)	Trong đó		Diện tích tự nhiên (km2)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Hộ cận nghèo				Tỷ lệ (%)
							Dân số là người DTTS	Tỷ lệ người DTTS								
14	Trà Thanh	2.680	2.632	98,21%	34,67					200	35,71	91	16,25	Bông 4		nam trên tuyến quốc lộ 210 tạo điều kiện liên kết để phát triển, giao lưu kinh tế, văn hóa giữa nhân dân các xã.
	XÃ 06	8.006	7.876	98,38%	129,05	8006	7876	98,38%	129,05	682	41,63	189	10,19			
15	Trà Tây	3.068	3.006	97,98%	69,58					245	32,80	99	13,25	xã Trà Bông 5	Hương Trà	Hai xã có nhiều nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội, vị trí địa lý liền kề nhau, giao thông đi lại , thông tin liên lạc giữa hai xã thuận lợi. Thôn Nước Nĩa, xã Trà Bùi có vị trí cách xa trung tâm xã Trà Bùi và rất gần với trung tâm xã Trà Tây, giao thông đi lại đến xã Trà Tây rất thuận lợi, trong khi muốn đi đến trung tâm xã Trà Bùi phải đi vòng qua một số xã của huyện Sơn Hà và huyện Sơn Tĩnh và di chuyển ngược lại với khoảng cách rất xa, giao thông không thuận lợi.
16	Hương Trà	4.556	4.488	98,51%	49,48					385	36,77	81	7,74			
17	Thôn Nước Nĩa (xã Trà Bùi)	382	382	100%	10,00					52	55,32	9	9,57			